TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/DS-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tiến Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng
Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 236/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn:
Ông Trần Văn C, sinh năm 1956.
Nơi cư trú: Số 266A1 khu phố 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
Ông Trần Văn C có mặt.

2. Bị đơn:
Chị Nguyễn Thủy Vân P, sinh năm 1979.
Đăng ký thường trú: Số 493D khu phố 3, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
Nơi cư trú: Số 450C14 khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
Chị Nguyễn Thủy Vân P vắng mặt không rõ lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh Dương Hoàng H, sinh năm 1980.
Nơi cư trú: Số 450C14 khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
Anh Dương Hoàng H vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại tòa ông Trần Văn C trình bày:

Do quen biết nên ông cho chị Nguyễn Thủy Vân P vay tiền 05 lần với tổng số tiền là 2.065.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 23/6/2020 chị P vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay là 07 ngày.

- Ngày 24/6/2020 chị P vay số tiền 560.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay là 07 ngày.

- Ngày 25/6/2020 chị P vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay là 05 ngày.

- Ngày 27/6/2020 chị P vay số tiền 710.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay là 03 ngày.

- Ngày 29/6/2020 chị P vay số tiền 325.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay là 05 ngày.

Khi vay tiền, các bên có viết giấy nhận nợ có chữ ký của chị P. Mục đích vay tiền để sửa chữa nhà và đáo hạn ngân hàng. Sau khi vay tiền, chị P không trả tiền gốc cũng không trả tiền lãi. Ông nhiều lần đến nhà, gọi điện thoại yêu cầu trả nợ nhưng chị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hiện tại chị P đã bỏ trốn. Nay ông khởi kiện yêu cầu chị P có nghĩa vụ trả số tiền 2.065.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/7/2020 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm. Trước đây ông khởi kiện yêu cầu chồng chị P là anh Dương Hoàng H cùng trả nợ. Tuy nhiên, chị P và anh H đã ly hôn nên nay ông yêu cầu một mình chị P trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập đương sự để tiến hành hòa giải nhưng chị P và anh H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Bản án số: 37/2021/DS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C. Buộc chị Nguyễn Thủy Vân P và anh Dương Hoàng H liên đới nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn C số tiền 2.264.090.000 đồng bao gồm 2.065.000.000 đồng tiền gốc và 199.090.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 150/2022/DS-GĐT ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Hủy Bản án số: 37/2021/DS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- *Về tố tụng*: Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của đương sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Chị Nguyễn Thủy Vân P đăng ký thường trú tại số 493D khu phố 3, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre và cư trú tại số 450C14 khu phố 1, phường P, thành phố B,

tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Nguyễn Thủy Vân P vay tiền của ông Trần Văn C 05 lần với tổng số tiền là 2.065.000 đồng. Các bên có làm giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông C yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của chị P trong các giấy vay tiền. Kết luận giám định số: 586/2023/KL-KTHS ngày 07/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận chữ ký trong các giấy vay tiền là của chị P. Xét thấy, chị P đã vi phạm thỏa thuận, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên việc ông C khởi kiện yêu cầu trả nợ là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu tính tiền lãi của ông C thấy rằng: Do các bên có thỏa thuận lãi suất vay nên việc ông C yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 25/7/2020 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở chấp nhận. Tiền lãi của số tiền 2.065.000.000 tính từ ngày 25/7/2020 đến ngày 25/9/2023 là 653.916.000 đồng. Do đó, cần buộc chị P có nghĩa vụ trả cho ông C tổng số tiền gốc và lãi là 2.065.000.000 đồng + 653.916.000 đồng = 2.718.916.000 đồng. Do ông C không yêu cầu anh H trả nợ nên không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký là 2.850.000 đồng, chị P có nghĩa vụ chịu. Tuy nhiên, ông C đã tạm ứng trước số tiền này nên chị P có nghĩa vụ hoàn lại cho ông C số tiền 2.850.000 đồng.

[5] Án phí: Chị P có nghĩa vụ chịu án phí với số tiền là 86.378.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C. Buộc chị Nguyễn Thủy Vân P có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn C số tiền 2.718.916.000 (Hai tỷ bảy trăm mười tám triệu chín trăm mười sáu nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thủy Vân P có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn C số tiền 2.850.000 (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

[3] Án phí: Chị Nguyễn Thủy Vân P có nghĩa vụ chịu số tiền là 86.378.000

(Tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.
- VKSND thành phố Bến Tre.
- CCTHADS thành phố Bến Tre.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Tiến Dũng